

Số: *28* /2015/QĐ-UBND

*Quảng Nam, ngày 30 tháng 9 năm 2015*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên; Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ; Thông tư số 158/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; Thông tư số 60/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 5, Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 519/TTr-STNMT ngày 28 tháng 9 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai đối với một số loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam để làm cơ sở tính thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản như sau:

TT	Khoáng sản nguyên khai		Thành phẩm		Tỷ lệ quy đổi
	Tên khoáng sản	Đơn vị tính	Tên thành phẩm	Đơn vị tính	
I	Khoáng sản kim loại				
1	Titan	Tấn	Tinh quặng Ilmenite (Hàm lượng $TiO_2 \geq 90\%$ )	Tấn	2,63
2	Sắt:	Tấn			
			Tinh quặng (Sắt Manhetit hàm lượng $\geq 60\%$ )	Tấn	1,1
			Tinh quặng (Sắt Manhetit hàm lượng 58 - 60%)	Tấn	3,1
II	Khoáng sản không kim loại				
1	Đất sét làm gạch, ngói:	$m^3$			
1.1			Gạch đặc kích thước 50 x 80 x 175mm	1.000 viên	1
1.2			Gạch đặc kích thước 50 x 90 x 200mm	1.000 viên	1,3
1.3			Gạch đặc kích thước 72 x 102 x 172mm	1.000 viên	1,8
1.4			Gạch 6 lỗ kích thước 75 x 110 x 175mm	1.000 viên	1
1.5			Gạch 6 lỗ trung kích thước 90 x 135 x 200	1.000 viên	1,8
1.6			Ngói lợp kích thước $1m^2 = 22$ viên	1.000 viên	2
2	Đá:	$m^3$			
2.1			Đá hộc các loại	$m^3$	1
2.2			Đá 0,5 x 1	$m^3$	1,2
2.3			Đá 1 x 2	$m^3$	1,18
2.4			Đá 2 x 4	$m^3$	1,15
2.5			Đá 4 x 6	$m^3$	1,1
2.6			Bột đá	$m^3$	1,2
2.7			Đá cấp phối	$m^3$	1
2.8			Đá ong (theo quy cách)	$m^3$	1
2.9			Đá chế các loại	$m^3$	1
2.10			Đá nung vôi và sản xuất xi măng	$m^3$	1
2.11			Đá Granite làm ốp lát:		
2.11.1			Kính thước $> 1m^2$	$m^3$	1,4
2.11.2			Kính thước 0,5 - $< 1m^2$	$m^3$	1,3
2.11.3			Kính thước $< 0,1m^2$	$m^3$	1,1
3	Than	Tấn	Than thành phẩm	Tấn	1,1

Phương pháp tính: Số lượng khoáng sản nguyên khai = Số lượng khoáng sản thành phẩm x tỷ lệ quy đổi.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Quảng Nam và UBND các huyện, thị xã, thành phố thông báo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện việc kê khai, nộp các nghĩa vụ tài chính trong quá trình hoạt động khoáng sản theo quy định tại Quyết định này và các quy định hiện hành.

2. Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Quyết định này; chủ động tham mưu, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi về tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. *g*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - TTTU, HĐND tỉnh (B/c);
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
  - Cục KSHĐKS miền Trung;
  - Sở Tư pháp;
  - Kho bạc Nhà nước tỉnh;
  - CPVP;
  - Lưu: VT, TH, NC, KTN.
- E:\Dropbox\2015\Quyết định QPPL\09 29  
quy định KS tu nguyên khai ra san pham.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Khánh Toàn**